

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/3/2021
Về việc: Ly hôn, giải quyết
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Ngân

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Lộc

2. Ông Ngô Rạng Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung – Thư ký Tòa án thành phố Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 236/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/8/2020, về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1976

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Tạ Thủy S, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu tập thể Công ty bảo vệ A, khu phố B, phường Đ, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà H và ông Tạ Thủy S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B T, huyện P Q (nay là thành phố P Q) ngày 12/11/2002. Vợ chồng có với nhau hai người con chung tên Tạ Trần Cẩm G, sinh ngày 09/06/1994 và Tạ Trần Anh K, sinh ngày 09/4/1998.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau; ông S không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con ngược lại còn thường xuyên ăn nhậu say xỉn gây bạo lực gia đình đánh đập bà H nhiều lần, từ năm 2015 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và xét mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng gia đình thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà H không còn thương yêu ông S nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Hai người con chung Tạ Trần Cẩm G, sinh ngày 09/06/1994 và Tạ Trần Anh K, sinh ngày 09/4/1998 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Tạ Thủy S được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Tòa tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

* Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy

định pháp luật, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H.

Ông Tạ Thủy S (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn ông Tạ Thủy S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Tạ Thủy S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B T, huyện P Q (nay là thành phố P Q) ngày 12/11/2002 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng bà H và ông S thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, vợ chồng ông S đã sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Hai người con chung Tạ Trần Cẩm G, sinh ngày 09/06/1994 và Tạ Trần Anh K, sinh ngày 09/4/1998 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

[5] Về công nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét

[6] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn ông Tạ Thủy S.

2. Về con chung: Hai người con chung Tạ Trần Cẩm G, sinh ngày 09/06/1994 và Tạ Trần Anh, sinh ngày 09/4/1998 đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

4. Về công nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc), theo lai thu số 0002496 ngày 06/8/2020, bà H không phải nộp thêm.

Ông Tạ Thủy S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú theo luật định để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS thành phố Phú Quốc;
- THA thành phố Phú Quốc;
- UBND xã Bãi Thơm, thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Kim Ngân